TRƯỜNG ĐẠI HỌC TDTT ĐÀ NẴNG
PHÒNG ĐT&BĐCLGD

THỜI KHÓA BIỂU CÁC KHÓA ĐẠI HỌC ĐH16+17+18 HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2025 - 2026

Từ tuần 42 (Từ ngày 18/5/2026 đến ngày 24/5/2026)

LỚP	THỨ 2					THỨ 3					THỨ 4					THỨ 5					THỨ 6					THỨ 7				
	Tiết 1+2	Tiết 3+4	Tiết 5+6	Tiết 7+8	Tiết 9+10	Tiết 1+2	Tiết 3+4	Tiết 5+6	Tiết 7+8	Tiết 9+10	Tiết 1+2	Tiết 3+4	Tiết 5+6	Tiết 7+8	Tiết 9+10	Tiết 1+2	Tiết 3+4	Tiết 5+6	Tiết 7+8	Tiết 9+10	Tiết 1+2	Tiết 3+4	Tiết 5+6	Tiết 7+8	Tiết 9+10	Tiết 1+2	Tiết 3+4	Tiết 5+6	Tiết 7+8	Tiết 9+10
ĐH18 HLTT	Thi Phương pháp NCKH 18/1+18/3 C301																	Thi Dinh dưỡng trong TT 18/1+18/3 C301												
	Thi Phương pháp NCKH 18/2+18/4 C202																	Thi Dinh dưỡng trong TT 18/2+18/4 C202												
	Thi Phương pháp NCKH 18/5+18/7 C201																	Thi Dinh dưỡng trong TT 18/5+18/7 C201												
	Thi Phương pháp NCKH 18/6+18/8 B102																	Thi Dinh dưỡng trong TT 18/6+18/8 B102												
18/11 (GDTC) BD+CL						Thi Kinh tế chính trị Mác-Lênin 18/11-C301																Thi LL&PP TTTH 18/11-C301								
18/12 (GDTC) BC+BR+TD						Thi Kinh tế chính trị Mác-Lênin 18/12+18/13 B302																Thi LL&PP TTTH 18/12+18/13 C202								
18/13 (GDTC) ĐK+BL+VT																													
18/10 TCSK&TTTT (30)						Thi Kinh tế chính trị Mác-Lênin C202																									
18/10 TTGT (15)																													
19HLTT1 (BD)		Triết học B201		TTCS2		Triết học B201					Tiếng Anh tổng quát A102		TẬP TRUNG TẠI HỘI TRƯỜNG SỐ 1 ĐỂ ĐƯỢC HƯỚNG DẪN ĐĂNG KÝ TÍN CHỈ TRÊN PHẦN MỀM QUẢN LÝ ĐÀO TẠO			Tiếng Anh tổng quát A104	Tâm lý ĐC B202				TTCS2								
19HLTT2 (BD)									TTCS2																TTCS2					
19HLTT3 (BD)	TTCS2			Tiếng Anh tổng quát A102							TTCS2								Tiếng Anh tổng quát A102											
19HLTT4 (BD)	Triết học B201						Triết học B201				TTCS2	Tâm lý ĐC B202													TTCS2					
19HLTT5 (BD)						TTCS2										TTCS2	Tiếng Anh tổng quát A102					Tiếng Anh tổng quát A103							
19HLTT6 (BD)				TTCS2															TTCS2											
19HLTT7 (BD)		Tiếng Anh tổng quát A103					Tâm lý ĐC B202		TTCS2			Triết học B201							TTCS2		Triết học B201		Tiếng Anh tổng quát A103							
19HLTT8 (BC)									TTCS2										TTCS2											
19HLTT9 BC		Tiếng Anh tổng quát A102				TTCS2					Tiếng Anh tổng quát A103											TTCS2								
19HLTT10 BC				TTCS2					Triết học B201			Tâm lý ĐC B202							Triết học B201					TTCS1					
19HLTT11 BC			TTCS2	Tiếng Anh tổng quát A103								Tiếng Anh tổng quát A103									TTCS2									
19HLTT12 BC		TTCS2																						TTCS2					

LỚP	THỨ 2					THỨ 3					THỨ 4					THỨ 5					THỨ 6					THỨ 7				
	Tiết 1+2	Tiết 3+4	Tiết 5+6	Tiết 7+8	Tiết 9+10	Tiết 1+2	Tiết 3+4	Tiết 5+6	Tiết 7+8	Tiết 9+10	Tiết 1+2	Tiết 3+4	Tiết 5+6	Tiết 7+8	Tiết 9+10	Tiết 1+2	Tiết 3+4	Tiết 5+6	Tiết 7+8	Tiết 9+10	Tiết 1+2	Tiết 3+4	Tiết 5+6	Tiết 7+8	Tiết 9+10	Tiết 1+2	Tiết 3+4	Tiết 5+6	Tiết 7+8	Tiết 9+10
19HLTT13 BC+BR						Triết học B101	TTCS2					Tiếng Anh tổng quát A102	TẬP TRUNG TẠI HỘI TRƯỜNG SỐ 1 ĐỂ ĐƯỢC HƯỚNG DẪN ĐĂNG KÝ TÍN CHỈ TRÊN PHẦN MỀM QUẢN LÝ ĐÀO TẠO	TẬP TRUNG TẠI HỘI TRƯỜNG SỐ 1 ĐỂ ĐƯỢC HƯỚNG DẪN ĐĂNG KÝ TÍN CHỈ TRÊN PHẦN MỀM QUẢN LÝ ĐÀO TẠO		Triết học B201		TTCS2			Tâm lý ĐC B202			Tiếng Anh tổng quát A102				
19HLTT14 CL			TTCS2														TTCS2												
19HLTT15 CL			TTCS2					Tiếng Anh tổng quát A102										TTCS2	Tiếng Anh tổng quát A103										
19HLTT16 VO				Triết học B201		Tâm lý ĐC B202	TTCS2										Triết học B201							TTCS2					
19HLTT17 VO+BB							TTCS2				Tiếng Anh tổng quát A104										Tiếng Anh tổng quát A102			TTCS2					
19HLTT18 ĐK	TTCS2															TTCS2													
19HLTT19 ĐK+KHVĐ	TTCS2								Tiếng Anh tổng quát A104		Triết học B201					TTCS2		Tiếng Anh tổng quát A103				Tâm lý ĐC B202			Triết học B202				
19HLTT20 BƠI			TTCS2													TTCS2													
19HLTT21 BƠI+PIC			TTCS2			Tiếng Anh tổng quát A102					Tâm lý ĐC B202					Tiếng Anh tổng quát A102		Triết học B202			TTCS2-Bơi	TTCS2-Pic	Triết học B202						
19HLTT22 TD				TTCS2																	TTCS2								
19QLTDTT1	CN2											Vệ sinh TDTT C201 KT				CN2			Thi LT CN2 C301										
19QLTDTT2						Thi Tin học & UDCNS A204																								
19QLTDTT3																			Thi LT CN2 C202										
K4GDTC1 (VLVH)						TTCS1 BƠI+BĐ +PIC+CL					Giải phẫu B101 KT										TTCS1 BƠI+BĐ +PIC+CL									
K4GDTC2 (VLVH)			Thi Tin học & UDCNS A204																										
K4GDTC3 (VLVH)												Giải phẫu B101 KT																	
19GDTC				Thi Tin học & UDCNS A204																										

Sinh viên lớp 19HLTT(VĐV) - Lớp 1 có số thứ tự từ 01 đến 30; 19HLTT(VĐV) - Lớp 2 có số thứ tự từ 31 (theo danh sách biên chế lớp tín chỉ HK2 năm học 2025-2026 của phòng ĐT&BĐCLGD)

19HLTT (VĐV) Lớp 1	Tin học & UDCNS A204		Thể dục 2			Điền kinh 2		Tin học & UDCNS A204			Tin học & UDCNS A204			Tin học & UDCNS A204		Thể dục 2		Tin học & UDCNS A204			Điền kinh 2		Tin học & UDCNS A204 Học tiết 9		Thi Tin học & UDCNS A204		Thể dục 2-KT		
19HLTT (VĐV) Lớp 2			Thể dục 2			Thể dục 2										Điền kinh 2						Điền kinh 2				Thi Tin học & UDCNS A204		Thể dục 2 KT	
K4HLTT (VĐV)	Điền kinh 2		Thể dục 2			Điền kinh 2		Thể dục 2		Tin học & UDCNS A204	Điền kinh 2					Tin học & UDCNS A204			Điền kinh 2 KT	Tin học & UDCNS A204	Thi Điền kinh 2			Tin học & UDCNS A204		Thể dục 2 KT		Tin học & UD CNS		
K4GDTC4 (VĐV)	CS1-PIC		Tiếng Anh tổng quát A104		Thi Tin học & UD CNS			Tiếng Anh tổng quát A103 Học tiết 567-KT			Thi CS1-PIC											Thi Tiếng Anh tổng quát A102								
16/9			TTCS7 ĐK+BC+VT			TTCS7 ĐK+BC+VT			Thi Lý thuyết ngành C202		TTCS7 ĐK+BC+VT					Thi LL&PP HLTT C202		TTCS7 ĐK+BC+VT			TTCS7 ĐK+BC+VT KT					Thi TH TTCS7 ĐK+BC+VT			

LỚP	THỨ 2					THỨ 3					THỨ 4					THỨ 5					THỨ 6					THỨ 7				
	Tiết 1+2	Tiết 3+4	Tiết 5+6	Tiết 7+8	Tiết 9+10	Tiết 1+2	Tiết 3+4	Tiết 5+6	Tiết 7+8	Tiết 9+10	Tiết 1+2	Tiết 3+4	Tiết 5+6	Tiết 7+8	Tiết 9+10	Tiết 1+2	Tiết 3+4	Tiết 5+6	Tiết 7+8	Tiết 9+10	Tiết 1+2	Tiết 3+4	Tiết 5+6	Tiết 7+8	Tiết 9+10	Tiết 1+2	Tiết 3+4	Tiết 5+6	Tiết 7+8	Tiết 9+10
Sinh viên lớp 17/10A có số thứ tự từ 01 đến 30; lớp 17/10B có số thứ tự từ 31 (theo danh sách biên chế lớp tín chỉ HK2 năm học 2025-2026 của phòng ĐT&BĐCLGD)																														
17/10A	TTCS5 ĐK+BC+VT+BƠI				LT TTCS5 ĐK-B101 BC-B102 VT-A103 BƠI-A102	Võ thuật (VT)+Quần vợt (VQ)		TTCS5 ĐK+BC+VT+BƠI			TTCS5 ĐK+BC+VT+BƠI				LT TTCS5 ĐK-B101 BC-B102 VT-A103 BƠI-A102	TTCS5 ĐK+BC+VT+BƠI		Võ thuật (VT)+Quần vợt (VQ)		LT TTCS5 ĐK-B101 BC-B102 VT-A103 BƠI-A102	TTCS5 ĐK+BC+VT+BƠI		GYM		LT TTCS5 ĐK-B101 BC-B102 VT-A103 BƠI-A102 Học tiết 9	Võ thuật (VT)+Quần vợt (VQ)		TTCS5 ĐK+BC+VT+BƠI		
17/10B			GYM																											
Sinh viên lớp 18/9A có số thứ tự từ 01 đến 34; lớp 18/9B có số thứ tự từ 35 (theo danh sách biên chế lớp tín chỉ HK2 năm học 2025-2026 của phòng ĐT&BĐCLGD)																														
18/9A	Bơi		TTCS4 (ĐK+BOI+BC+VT)		LL&PP HLTT1 B201	Cầu lông		TTCS4 (ĐK+BOI+BC+VT)			TTCS4 (ĐK+BOI+BC+VT)				LT Bơi B201	TTCS4 (ĐK+BOI+BC+VT)		LT Cầu lông B301		LT TTCS4 ĐK-A102 BOI-A103 BC-B201 VT-B202	Cầu lông		TTCS4 (ĐK+BOI+BC+VT)			Bơi		TTCS4 (ĐK+BOI+BC+VT)		
18/9B						Cầu lông															Cầu lông					Bơi				